

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: **04** /2019/KDTM-ST

Ngày: 03/6/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hoá*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Trục và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 54/2018/TLST-KDTM ngày 29/8/2018; Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 59/2019//QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 81/2019//QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 95/2019//QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T. Địa chỉ: 84/6 đường N, phường A, thành phố Huế.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Lê Minh T: Giám đốc công ty.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Lê Thị Thanh H: Kế toán trưởng Công ty (Giấy uỷ quyền số 03/BT-TCHC-UQ ngày 15/3/2019).

*Bị đơn:* Công ty cổ phần T. Địa chỉ: 16 đường T, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Bùi Văn M: Giám đốc công ty.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2018, nguyên đơn là Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T trình bày:*

Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T yêu cầu công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế 42/2016/HĐKT/CCSC ngày 08/6/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày

31/12/2017 với tổng số tiền là 512.154.726 đồng, trong đó nợ gốc là: 482.492.000 đồng, nợ lãi do chậm thanh toán là 29.662.726 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:*

Ngày 08/6/2016, giữa Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T và công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (nay là công ty cổ phần T) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 42/2016/HĐKT/CCSC ngày 08/6/2016 về việc cung cấp bê tông thương phẩm cho công ty cổ phần T thi công công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty điện lực Thừa Thiên Huế, tại 102 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T luôn tuân thủ các điều khoản đã thỏa thuận và đáp ứng đầy đủ các quy định về chất lượng và tiến độ cho công trình. Tổng giá trị bê tông đã cung cấp tại công trình là 3.082.492.000 (Ba tỷ không trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong đơn khởi kiện, Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T tổng số tiền là 512.154.726 đồng, trong đó nợ gốc là: 482.492.000 đồng, nợ lãi do chậm thanh toán là 29.662.726 đồng. Vào ngày 31/12/2017, giữa hai bên đã có Biên bản đối chiếu công nợ trong đó xác nhận công ty cổ phần T còn nợ của Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền nợ gốc 482.492.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 05/7/2018, công ty cổ phần T đã thanh toán thêm 200.000.000 đồng. Tổng giá trị công ty cổ phần T đã thanh toán tính đến ngày 06/9/2018 là 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng). Tổng giá trị công nợ còn lại là 282.492.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) kéo dài hơn 10 tháng chưa thanh toán. Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T đã nhiều lần gửi văn bản cũng như làm việc trực tiếp với công ty cổ phần T để yêu cầu thanh toán số nợ nói trên nhưng công ty cổ phần T không thực hiện việc trả nợ, cố tình dây dưa, chây ỳ trong việc thanh toán công nợ.

Nay Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền nợ còn lại là 282.492.000 đồng và không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán theo bảng tính lãi ngày 30/4/2018.

*Tại văn bản số 509/CT – KH ngày 29/10/2018, bị đơn là công ty cổ phần T trình bày:*

Ngày 08/6/2016, Công ty cổ phần T có ký hợp đồng số 42/2016/HĐKT/CCSC ngày 08/6/2016 với Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T về việc cung cấp bê tông thi công công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty điện lực Thừa Thiên Huế, đến nay công ty cổ phần T đang chờ chủ đầu tư phê duyệt quyết toán công trình. Vào đầu tháng 7, hai bên công ty đã có buổi gặp mặt tại Huế và thống nhất phương án thanh toán công nợ, công ty cổ phần T sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền còn nợ 482.492.000 đồng chia làm 2 đợt sau khi nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư. Theo đó, đợt 1 sau khi được chủ đầu tư thanh toán, vào ngày 05/7/2018, công ty cổ phần T đã chuyển trả cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T 200.000.000 đồng. Hiện nay, công ty cổ phần T và các công ty tham gia thi công công trình Nhà điều hành sản xuất Công ty điện lực Thừa Thiên Huế đang phối hợp với chủ đầu tư chốt số liệu quyết toán trình các cấp phê duyệt. Riêng công nợ của

Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T, chủ đầu tư đã biết và có buổi làm việc giữa ba bên, khi nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư, công ty cổ phần T sẽ thanh toán ngay cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T. Thời gian thanh toán số tiền còn lại gồm 282.492.000 đồng, dự kiến trước ngày 31/12/2018. Nay Công ty cổ phần T đang gặp khó khăn nên đề nghị Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T gia hạn thời hạn thanh toán và miễn giảm phần lãi cho Công ty cổ phần T.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ về yêu cầu này. Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T chỉ yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T toàn bộ số tiền nợ gốc tổng cộng là: 282.492.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 227, điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 297, Điều 306 Luật thương mại; Điều 280 và Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc Công ty cổ phần T phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và khoản nợ lãi do chậm thanh toán là 29.662.726 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T, buộc Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 282.492.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ nói trên thì Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc Công ty cổ phần T phải trả toàn bộ số tiền còn lại và lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá

hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo điều 306 Luật thương mại năm 2005.

- Buộc Công ty cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần T, có trụ sở tại: Số 16 đường T, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh phải trả số tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng kinh tế số 42/2016/HĐKT/CCSC ngày 08/6/2016 được ký kết tại văn phòng Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T. Do đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và khoản nợ lãi do chậm thanh toán gồm 29.662.726 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời chỉ yêu cầu Công ty cổ phần T trả số tiền nợ gốc còn lại là 282.492.000 đồng. Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Đối với yêu cầu của Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T về việc buộc Công ty cổ phần T phải trả số tiền nợ là 282.492.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017 giữa hai Công ty thể hiện Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền nợ gốc 482.492.000 đồng; tại văn bản số 509/CT – KH ngày 29/10/2018, Công ty cổ phần T đã xác nhận còn nợ số tiền còn lại là 282.492.000 đồng và dự kiến sẽ trả trước ngày 31/12/2018. Như vậy, Công ty cổ phần T đã thừa nhận nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền còn lại là 282.492.000 đồng.

Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Công ty cổ phần T cố tình vắng mặt là tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do Công ty cổ phần T đã vi phạm nghĩa vụ, nên Hội đồng xét xử cần căn cứ vào các Điều 280 và Điều 351 của Bộ luật dân sự, buộc Công ty cổ phần T phải trả cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền 282.492.000 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T gồm 14.124.600 đồng ( $282.492.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.124.600 \text{ đồng}$ ).

- Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí gồm 12.244.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T theo biên lai thu tiền số 005958 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280; Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật thương mại.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T đã rút số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 29.662.726 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền nợ gốc gồm 282.492.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ nói trên thì Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc Công ty cổ phần T phải trả toàn bộ số tiền còn lại và lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo điều 306 Luật thương mại năm 2005.

[3] Về án phí:

- Công ty cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm gồm 14.124.600 đồng (mười bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

- Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 12.244.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) cho Công ty cổ phần bê tông và xây dựng T theo biên lai thu tiền số 005958 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**